

Số: /QĐ-SYT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Khung chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc
tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc tại y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 29/2022/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế và ý kiến của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 4212/SGDDT-CTTT ngày 10 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này 02 Khung chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Khung chương trình đào tạo nhân viên y tế cơ sở giáo dục có văn bằng đào tạo y sĩ, bác sĩ (kèm theo Phụ lục 1).
- Khung chương trình đào tạo nhân viên y tế cơ sở giáo dục không có văn bằng đào tạo y sĩ, bác sĩ (kèm theo Phụ lục 2).

Điều 2. Áp dụng “Khung chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc tại cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh” trong việc triển khai tổ chức biên soạn và thẩm định tài liệu đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng thuộc khối ngành sức khỏe và các cơ sở y tế có chức năng hoặc được giao nhiệm vụ đào tạo nhân lực y tế theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Y tế, các Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Cục KHCN&ĐT, Bộ Y tế;
- Cục Quản lý Môi trường y tế, Bộ Y tế;
- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để phối hợp);
- GĐ, các PGĐ Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;
- Trung tâm Y tế các quận, huyện;
- Trung tâm Y tế thành phố Thủ Đức;
- Các Phòng chuyên môn thuộc Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB/MT (03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Vĩnh Châu

PHỤ LỤC I
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN Y TẾ
CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VĂN BẰNG ĐÀO TẠO Y SĨ, BÁC SĨ

(kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 7 năm 2024
của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình đào tạo: **NHÂN VIÊN Y TẾ CƠ SỞ GIÁO DỤC**
CÓ VĂN BẰNG ĐÀO TẠO Y SĨ, BÁC SĨ

Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hình thức trực tiếp

Đối tượng đào tạo: Nhân viên y tế tại cơ sở giáo dục có văn bằng y sĩ, bác sĩ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Thông tư số 28/2023/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và được thực hiện nhiều lần trong năm

Thời gian đào tạo: 05 ngày (40 tiết)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các nhiệm vụ, các hoạt động chính của y tế trường học và một số kiến thức về sự phát triển thể chất, tâm sinh lý lứa tuổi học đường để phục vụ công tác chăm sóc giáo dục sức khỏe cho học sinh. Học viên có khả năng xử lý một số trường hợp sơ cấp cứu và bệnh tật thường gặp ở học sinh tại trường học và một số hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế trường học trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, đảm bảo sự phát triển toàn diện về sức khỏe, thể chất, trí tuệ và tinh thần cho trẻ em, học sinh trong trường học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được nhiệm vụ và các hoạt động chính của y tế trường học.
- Trình bày được một số kiến thức về thể chất và tâm sinh lý của lứa tuổi học đường để phục vụ công tác chăm sóc giáo dục sức khỏe cho HSSV.
- Trình bày được cách phát hiện, phòng chống các nguy cơ gây tai nạn thương tích và bệnh tật học đường thường gặp ở học sinh.

1.2.2. Kỹ năng:

- Áp dụng các kiến thức đã học để xử lý một số trường hợp sơ cấp cứu thường gặp ở học sinh tại trường học.
- Thực hiện tốt truyền thông tư vấn về giáo dục sức khỏe để có các biện pháp phòng, chống bệnh tật, tai nạn thương tích thường gặp ở học sinh.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Rèn luyện được tính kiên trì thái độ ân cần, thông cảm với học sinh. Thể hiện được vai trò, trách nhiệm của nhân viên y tế về việc giữ gìn sức khỏe và vệ sinh thân thể phòng, chống một số bệnh chuyên khoa.

2. Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề tình huống. Đồng thời phát triển các năng lực cá nhân như kỹ năng tư duy, tự học – tự nghiên cứu, tra cứu tài liệu, thuyết trình, phản biện... thông qua quá trình học tập.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 40 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ.

3. Nội dung chương trình

3.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Tổng quan về công tác y tế trường học, quản lý sức khỏe học sinh.	2	1	1	0
2	Đặc điểm phát triển thể chất và tâm sinh lý lứa tuổi học đường	1	1	0	0
3	Phòng chống các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích và bệnh, tật học đường, vệ sinh trường học	3	2	1	0
4	Thuốc thiết yếu và cách sử dụng	2	1	1	0
5	Sơ cấp cứu ban đầu	10	2	8	0
6	Xử trí ban đầu một số triệu chứng và bệnh, tật thường gặp trong cơ sở giáo dục, tư vấn để đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp cứu	10	2	8	0
7	Dinh dưỡng, an toàn thực phẩm trong trường học.	2	1	1	0
8	Sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản và phòng chống tác hại của chất gây nghiện	4	2	2	0
9	Truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe	4	2	2	0
	Kiểm tra	2			2
	Tổng:	40	14	24	2

3.2. Nội dung chi tiết

BÀI 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC, QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH

Thời gian: 02 giờ (01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

- 1. Nêu được nội dung để tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh trong nhà trường.*
- 2. Trình bày được các bước xây dựng kế hoạch, nội dung báo cáo, đánh giá về công tác y tế trường học; các bước cơ bản để tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe.*
- 3. Xây dựng được kế hoạch, báo cáo, đánh giá về công tác y tế trường học, quản lý được hồ sơ sức khỏe học sinh.*
- 4. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học. Phát triển các kỹ năng cá nhân và thể hiện được sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm qua quá trình học tập.*

Nội dung

1. Đại cương y tế trường học
 - 1.1. Vị trí, vai trò của công tác y tế trường học.
 - 1.2. Nội dung của công tác y tế trường học và một số văn bản pháp quy về y tế trường học.
2. Nhiệm vụ của nhân viên y tế trường học.
 - 2.1. Tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh trong nhà trường.
 - 2.2. Một số nội dung thực hiện Luật trẻ em và quyền trẻ em trong nhà trường
 - 2.3. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe.
3. Quản lý sức khỏe học sinh trong trường học.
 - 3.1. Khái niệm, vai trò, tầm quan trọng và nội dung, giải pháp quản lý sức khỏe học sinh trong trường học.
 - 3.2. Quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.
 - 3.3. Lập kế hoạch y tế trường học.

BÀI 2. ĐẶC ĐIỂM

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT VÀ TÂM SINH LÝ LỨA TUỔI HỌC ĐƯỜNG

Thời gian: 01 giờ lý thuyết

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày được sự phát triển thể chất của lứa tuổi học đường*
- 2. Phân tích được sự phát triển tâm lý của lứa tuổi học đường qua từng độ tuổi.*
- 3. Phát triển các kỹ năng cá nhân và thể hiện được sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm qua quá trình học tập.*

Nội dung

1. Thời kỳ mẫu giáo

- 1.1. Giới hạn
- 1.2. Đặc điểm sinh lý.
- 1.3. Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động.
- 1.4. Đặc điểm bệnh lý.
- 1.5. Chăm sóc và giáo dục.

2. Thời kỳ tiểu học

- 2.1. Giới hạn
- 2.2. Đặc điểm sinh lý.
- 2.3. Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động.
- 2.4. Đặc điểm bệnh lý.
- 2.5. Giáo dục phòng bệnh.

3. Thời kỳ Trung học cơ sở

- 3.1. Đặc điểm sinh lý
- 3.2. Môi trường sống
- 3.3. Đặc điểm hoạt động học tập ở nhà trường THCS.
- 3.4. Sự phát triển trí tuệ của học sinh THCS.
- 3.5. Sự hình thành kiểu quan hệ mới
- 3.6. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS với bạn bè.
- 3.7. Sự hình thành tự ý thức của học sinh THCS.
- 3.8. Sự hình thành tình cảm ở lứa tuổi học sinh THCS.
- 3.9. Đặc điểm bệnh lý
- 3.10. Giáo dục sức khỏe.

4. Thời kỳ Trung học phổ thông

- 4.1. Điều kiện sống và hoạt động
- 4.2. Đặc điểm về sự phát triển thể chất.
- 4.3. Hoạt động học tập.
- 4.4. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ.
- 4.5. Sự phát triển của tự ý thức.
- 4.6. Sự hình thành thế giới quan
- 4.7. Xu hướng nghề nghiệp.
- 4.8. Hoạt động giao tiếp.
- 4.9. Một số vấn đề giáo dục đối với học sinh THPT.

BÀI 3. PHÒNG, CHỐNG CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ GÂY TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ BỆNH TẬT HỌC ĐƯỜNG VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

Thời gian: 03 giờ (02 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. *Nêu được các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích cho từng đối tượng*
2. *Trình bày được các yêu cầu về vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy cơ khi tham gia giao thông.*
3. *Thực hiện được các kỹ năng đánh giá các điều kiện vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường trường học.*
4. *Nêu được các biện pháp để phòng tránh một số tai nạn thường gặp như đuối nước, bỏng, điện giật, động vật cắn, thương tích do vật nhọn, say nắng, sốc nhiệt.*
5. *Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.*

Nội dung

A. Phòng chống các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích

1. Phòng, chống trượt ngã và chấn thương do trượt ngã
 - 1.1. Đối với trẻ em nhà trẻ.
 - 1.2. Đối với trẻ mẫu giáo, tiểu học.
 - 1.3. Đối với học sinh trung học
2. Phòng, chống tai nạn giao thông
 - 2.1. Khi đi bộ
 - 2.2. Khi đi xe đạp, xe máy.

2.3. Khi đi ô tô, xe buýt.

2.4. Khi đi qua sông bằng tàu, thuyền, phà.

3. Phòng, chống động vật cắn, húc, đốt

3.1. Cách phòng, chống động vật cắn, húc, đốt.

3.2. Phòng, chống bệnh dại.

4. Phòng tránh tai nạn thương tích do vật sắc nhọn, đuối nước, bỏng, điện giật và bạo lực học đường (dựa trên các tiêu chí trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên quy định tại Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

B. Phòng, chống các yếu tố nguy cơ gây bệnh tật học đường

1. Tật khúc xạ

1.1. Hướng dẫn phát hiện tật khúc xạ ở học sinh

1.2. Phòng, chống tật khúc xạ ở học sinh.

2. Bệnh cong vẹo cột sống

2.1. Hướng dẫn phát hiện bệnh cong vẹo cột sống ở học sinh.

2.2. Kỹ thuật khám cong vẹo cột sống

2.3. Phòng, chống cong vẹo cột sống ở học sinh

3. Các bệnh răng miệng thường gặp ở học sinh

3.1. Hướng dẫn phát hiện các bệnh răng miệng thường gặp ở học sinh

3.2. Phòng, chống các bệnh răng miệng thường gặp ở học sinh.

C. VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

1. Khái niệm, tầm quan trọng và những nội dung chính của vệ sinh trường học

2. Vệ sinh trong xây dựng trường học

2.1. Các yêu cầu vệ sinh trong xây dựng trường mầm non, trường phổ thông.

2.2. Đánh giá vệ sinh về xây dựng trường học.

3. Vệ sinh phòng học

3.1. Chiếu sáng phòng học.

3.2. Tiếng ồn trong phòng học.

3.3. Vi khí hậu trong phòng học.

4. Vệ sinh trang thiết bị và đồ dùng học tập.

4.1. Yêu cầu vệ sinh đối với bàn ghế, bảng trong phòng học và đồ dùng học tập, đồ chơi.

5. Nước sạch và vệ sinh môi trường trong trường học

5.1. Cung cấp nước sạch trong trường học.

5.2. Công trình vệ sinh trong trường học.

5.3. Bảo đảm vệ sinh môi trường trường học.

6. Vệ sinh cá nhân

6.1. Vệ sinh bàn tay, vệ sinh răng miệng.

6.2. Vệ sinh trong học tập và rèn luyện.

BÀI 4. THUỐC THIẾT YẾU VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Thời gian: 02 giờ (01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tên thuốc hoặc dược liệu, đường dùng, dạng bào chế, nồng độ hàm lượng thuốc trong danh mục thuốc thiết yếu
2. Hướng dẫn sử dụng các thuốc trong danh mục hợp lý an toàn.
3. Duy trì, phát triển kỹ năng cho bản thân trọng việc tự học, làm việc nhóm

Nội dung

1. Nguyên tắc xây dựng danh mục thuốc thiết yếu
2. Tiêu chí chọn lựa thuốc vào danh mục thuốc thiết yếu
3. Danh mục thuốc thiết yếu.
4. Sử dụng danh mục thuốc thiết yếu.

BÀI 5. SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU

Thời gian: 10 giờ (02 giờ lý thuyết, 08 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được tầm quan trọng của sơ cấp cứu tai nạn thương tích
2. Thực hiện được những việc cần làm của người cấp cứu và người trợ giúp trong một số tai nạn thường gặp
3. Chuẩn bị đầy đủ và biết cách sử dụng túi sơ cấp cứu tại nơi làm việc.
4. Phân tích được các bước của sơ cấp cứu ban đầu.

Nội dung

Phần I. Tổng quan về sơ cấp cứu ban đầu

1. Nhận thức cơ bản về sơ cấp cứu ban đầu
2. Trình tự cấp cứu ban đầu
3. Gọi cấp cứu

Phần II. Cấp cứu cơ bản – Hồi sinh tim phổi

1. Định nghĩa
2. Trình tự thực hiện
3. Kỹ thuật ép tim – thổi ngạt

Phần III. Sơ cứu vết thương

1. Sơ cứu và chăm sóc vết thương phần mềm.
2. Sơ cứu vết thương bụng
3. Sơ cứu và chăm sóc vết thương ngực
4. Sơ cứu vết thương đầu

Phần IV. Cầm máu và băng bó vết thương chảy máu

1. Tổng quan
2. Mạch máu
3. Mức độ vết thương chảy máu
4. Dụng cụ băng bó vết thương cầm máu
5. Kiểm soát chảy máu
6. Sử dụng băng, gạc cầm máu.
7. Chấn thương do tai nạn

Phần V. Sơ cứu gãy xương

1. Nguyên nhân gây gãy xương
2. Phân loại gãy xương
3. Triệu chứng chung
4. Mục đích và nguyên tắc cố định gãy xương chi
5. Dụng cụ để cố định gãy xương
6. Xử trí vỡ xương sọ
7. Xử trí gãy xương hàm dưới
8. Xử trí gãy cột sống
9. Xử trí gãy xương ức và xương sườn
10. Xử trí vỡ xương chậu
11. Xử trí gãy xương đòn
12. Xử trí gãy xương cánh tay
13. Xử trí gãy xương cẳng tay
14. Xử trí gãy xương đùi
15. Xử trí gãy xương cẳng chân.

Phần VI. Sơ cứu điện giật – Đuối nước

1. Sơ cứu điện giật

1.1. Đại cương

1.2. Lưu ý trước khi thực hiện các bước cấp cứu người bị điện giật

1.3. Cách sơ cứu người bị điện giật.

1.4. Tiến hành sơ cứu người bị điện giật.

1.5. Một số lưu ý trong quá trình sơ cứu điện giật

1.6. Cách phòng ngừa điện giật

2. Đuối nước

2.1. Đại cương

2.2. Các hình thái lâm sàng của đuối nước

2.3. Xử trí nạn nhân đuối nước

Phần VII. Sơ cứu bỏng – Tai nạn do hóa chất

1. Sơ cứu bỏng

1.1. Phân loại bỏng theo độ sâu

1.2. Cách tính diện tích bỏng

1.3. Tiên lượng của bỏng

1.4. Tiến triển của bỏng

1.5. Sơ cứu bỏng và chăm sóc.

1.6. Cấp cứu một số trường hợp bỏng đặc biệt

2. Sơ cứu tai nạn do hóa chất

2.1. Tổng quan về an toàn hóa chất

2.2. Sơ cấp cứu một số tai nạn do hóa chất.

Phần VIII. Sơ cứu say nắng, say nóng

1. Đại cương

2. Nguyên nhân

3. Biểu hiện khi bị say nắng, say nóng

4. Cách xử trí.

Phần IX. Sơ cứu ngộ độc tiêu hóa.

1. Đại cương

2. Các dấu hiệu chính

3. Sơ cứu nạn nhân bị ngộ độc tiêu hóa

Phần X. Sơ cấp cứu rắn độc cắn

1. Một số loài rắn độc thường gặp.
2. Nguyên nhân bị rắn cắn.
3. Biểu hiện khi bị rắn độc cắn.
4. Điều trị khi bị rắn độc cắn.
5. Phòng tránh rắn độc cắn.

Phần XI. Sơ cứu và phòng tránh côn trùng đốt, cắn

1. Biểu hiện
2. Sơ cứu
3. Phòng tránh

Phần XII. Các kỹ thuật kiểm soát đường thở

1. Đại cương
2. Nguyên nhân gây tắc nghẽn đường thở.
3. Các kỹ thuật khai thông đường thở

Phần XIII. Vận chuyển nạn nhân cấp cứu

A. Di chuyển nạn nhân

1. Phân loại.
2. Di chuyển khẩn cấp
 - 2.1. Tình huống
 - 2.2. Kỹ thuật
3. Di chuyển không khẩn cấp

B. Vận chuyển nạn nhân

1. Phân loại
2. Nguyên tắc
3. Kỹ thuật vận chuyển nạn nhân bằng tay
 - 3.1. Trường hợp chỉ có một người cứu
 - 3.2. Trường hợp có hai người cứu.
4. Khiêng, vận chuyển nạn nhân bằng ghế
5. Khiêng, vận chuyển nạn nhân bằng cáng
 - 5.1. Các loại cáng
 - 5.2. Áp dụng.
 - 5.3. Kỹ thuật.

BÀI 6. XỬ TRÍ BAN ĐẦU MỘT SỐ TRIỆU CHỨNG VÀ BỆNH TẬT THƯỜNG GẶP TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐỂ TƯ VẤN ĐẾN CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TRONG TRƯỜNG HỢP CẤP CỨU

Thời gian: 10 giờ (02 giờ lý thuyết, 08 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày được một số triệu chứng và bệnh tật thường gặp trong cơ sở giáo dục.*
- 2. Tư vấn cho gia đình khi gặp một số bệnh lý trong y tế học đường đến các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh một cách hiệu quả.*
- 3. Phát triển các kỹ năng mềm và thể hiện được sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm qua quá trình học tập.*

Nội dung

1. BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT

- 1.1. Đặc điểm của bệnh sốt xuất huyết
- 1.2. Biểu hiện của bệnh sốt xuất huyết; nhận biết dấu hiệu triệu chứng của bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường.
- 1.3. Xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt, nôn ói,...
- 1.4. Phòng, chống bệnh sốt xuất huyết ở học sinh

2. BỆNH SỞI – RUBELLA

- 2.1. Đặc điểm, biểu hiện của bệnh, nhận biết dấu hiệu triệu chứng bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường.
- 2.2. Đường lây truyền và xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt, nôn ói,...
- 2.3. Phòng, chống bệnh sởi – rubella ở học sinh.

3. BỆNH BẠCH HẦU

- 3.1. Đặc điểm của bệnh bạch hầu và phương thức lây truyền.
- 3.2. Nhận biết dấu hiệu triệu chứng bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường, xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt,...
- 3.3. Biện pháp phòng, chống bệnh bạch hầu.

4. BỆNH QUAI BỊ

- 4.1. Đặc điểm của bệnh quai bị và phương thức lây truyền.
- 4.2. Nhận biết dấu hiệu triệu chứng của bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường, xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt,...
- 4.3. Phòng, chống bệnh quai bị ở học sinh.

5. BỆNH TAY CHÂN MIỆNG

5.1. Đặc điểm chung của bệnh tay chân miệng

5.2. Biểu hiện của bệnh qua các giai đoạn; nhận biết dấu hiệu triệu chứng của bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường.

5.4. Xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt, nôn ói,...

5.5. Phòng, chống bệnh tay chân miệng ở học sinh.

6. BỆNH CÚM

6.1. Đặc điểm của bệnh cúm mùa

6.2. Đặc điểm của bệnh cúm gia cầm lây sang người (H5N1).

6.3. Nhận biết dấu hiệu triệu chứng của bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường, xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt, nôn ói...

6.4. Phòng, chống bệnh cúm mùa và cúm gia cầm lây sang người.

7. BỆNH LAO

7.1. Đặc điểm của bệnh lao, biểu hiện của bệnh lao.

7.2. Nhận biết dấu hiệu triệu chứng của bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường, xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt,....

7.3. Phòng, chống bệnh lao

8. BỆNH TIÊU CHẢY

8.1. Đặc điểm của bệnh tiêu chảy, biểu hiện của bệnh tiêu chảy.

8.2. Nhận biết dấu hiệu triệu chứng của bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường, xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt, nôn ói...

8.3. Phòng, chống bệnh tiêu chảy.

9. BỆNH GIUN

9.1. Bệnh do giun đũa.

9.2. Bệnh do giun kim

9.3. Giun móc, giun mỏ.

10. BỆNH VIÊM ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP DO VIRUS CORONA (COVID-19)

10.1. Hướng dẫn phát hiện bệnh viêm đường hô hấp cấp do virus CORONA (COVID-19)

10.2. Nhận biết dấu hiệu triệu chứng bệnh cấp cứu và triệu chứng bệnh thông thường, xử trí các triệu chứng thường gặp như sốt, đau đầu, chóng mặt,...

10.3. Một số biện pháp phòng bệnh COVID-19 trong trường học.

BÀI 7. DINH DƯỠNG, AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG TRƯỜNG HỌC

Thời gian: 02 giờ (01 giờ lý thuyết, 01 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm trong trường học và nguồn lực của cơ sở giáo dục, kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn, ngộ độc thực phẩm ở trẻ em, học sinh trong nhà trường.
2. Trình bày được các vấn đề dinh dưỡng thường gặp ở học sinh.
3. Nêu được các tiêu chí để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh trong trường học và dinh dưỡng hợp lý cho từng độ tuổi của trẻ em, học sinh.
4. Phát triển các kỹ năng mềm và thể hiện được sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm qua quá trình học tập.

Nội dung

1. Đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) trong trường học
 - 1.1. Yêu cầu các điều kiện ATTP đối với trường học có bếp ăn tập thể và không có bếp ăn tập thể, cơ sở giáo dục có tổ chức căng tin trường học.
 - 1.2. Hướng dẫn kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn.
 - 1.3. Ngộ độc thực phẩm ở trẻ em và học sinh trong nhà trường
 - 1.3.1. Dấu hiệu ngộ độc thực phẩm ở trẻ em, học sinh.
 - 1.3.2. Các biện pháp tăng cường đảm bảo an toàn thực phẩm.
2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh trong trường học
 - 2.1. Mục đích đánh giá
 - 2.2. Nội dung đánh giá
 - 2.3. Thời điểm đánh giá
 - 2.4. Các chỉ số để đánh giá
 - 2.5. Công cụ để đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở học sinh.
 - 2.6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng (hướng dẫn sử dụng phần mềm đánh giá tình trạng dinh dưỡng của Tổ chức Y tế Thế giới).
3. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh
 - 3.1. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ dưới 1 tuổi
 - 3.2. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em từ 1 – 3 tuổi
 - 3.3. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ từ 4-6 tuổi
 - 3.4. Dinh dưỡng cho trẻ lứa tuổi tiểu học (từ 6-11 tuổi)
4. Các vấn đề dinh dưỡng thường gặp ở học sinh
 - 4.1. Thừa cân – béo phì

- 4.2. Suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng.
- 4.3. Tổ chức bữa ăn học đường và tăng cường các hoạt động thể lực.
- 4.4. Tổ chức giáo dục, tư vấn dinh dưỡng tại nhà trường.

BÀI 8. SỨC KHỎE TÂM THẦN – SỨC KHỎE SINH SẢN VÀ PHÒNG CHỐNG TÁC HẠI CỦA CHẤT GÂY NGHIỆN

Thời gian: 04 tiết (02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các nội dung về sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản và phòng chống tác hại của chất gây nghiện đối với sức khỏe học sinh.
2. Thực hiện được việc theo dõi, phát hiện sớm, tư vấn, xử trí ban đầu, chuyển tuyến và dự phòng một số vấn đề về sức khỏe tâm thần, giới, giới tính, sức khỏe sinh sản và phòng chống tác hại của chất gây nghiện đối với sức khỏe học sinh.
3. Thể hiện được sự quan tâm, chăm sóc chu đáo, tỉ mỉ và tinh tế đối với các vấn đề nhạy cảm về sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản và phòng, chống tác hại của chất gây nghiện đối với sức khỏe học sinh.

Nội dung

A. SỨC KHỎE TÂM THẦN

1. Đại cương về sức khỏe tâm thần
2. Nguyên nhân dẫn đến vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh.
3. Dấu hiệu nhận biết học sinh mắc các rối loạn tâm thần.
4. Những biện pháp giúp phòng tránh các vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh.
 - 4.1. Hướng dẫn phát hiện các vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh.
 - 4.2. Phòng, chống một số vấn đề sức khỏe tâm thần ở học sinh.

B. SỨC KHỎE SINH SẢN TUỔI VỊ THÀNH NIÊN

1. Những thay đổi về sinh lý ở tuổi vị thành niên
 - 1.1. Với trẻ gái
 - 1.2. Với trẻ trai
2. Nguy cơ hay gặp ở tuổi vị thành niên
 - 2.1. Mang thai sớm ngoài ý muốn
 - 2.2. Mắc các bệnh lây truyền tình dục
3. Chăm sóc, giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên
 - 3.1. Rèn luyện về kỹ năng sống

3.2. Chăm sóc sức khỏe thể chất và tâm lý

3.3. Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên

C. PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI THUỐC LÁ, RƯỢU BIA, CHẤT GÂY NGHIỆN KHÁC

1. Phòng, chống tác hại của thuốc lá, lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn trong trường học

1.1. Phòng, chống tác hại của thuốc lá.

1.2. Phòng, chống tác hại của rượu, bia và đồ uống có cồn.

2. Phòng, chống tác hại của ma túy trong trường học

2.1. Phòng, chống tác hại của ma túy.

2.2. Một số giải pháp phòng, chống ma túy học đường.

BÀI 9. TRUYỀN THÔNG TƯ VẤN GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Thời gian: 04 giờ (02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các nội dung truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh.

2. Liệt kê được một số phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh.

3. Nêu được các hình thức truyền thông giáo dục sức khỏe.

4. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, tư duy phản biện và thuyết trình để trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai.

Nội dung

1. Xây dựng nội dung truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh

1.1. Giáo dục vệ sinh cá nhân.

1.2. Giáo dục vệ sinh môi trường.

1.3. Giáo dục vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh dinh dưỡng.

1.4. Phòng, chống dịch bệnh, tai nạn thương tích và các tệ nạn xã hội.

1.5. Rèn luyện lối sống.

2. Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh

2.1. Các phương pháp truyền thông gián tiếp

2.2. Các phương pháp truyền thông trực tiếp

3. Các hình thức truyền thông giáo dục sức khỏe

3.1. Truyền thông đại chúng

3.2. Truyền thông trực tiếp tới đối tượng

4. Một số phương pháp truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học

4.1. Thảo luận nhóm

4.2. Nói chuyện sức khỏe.

4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun

Kiểm tra đánh giá điểm của Học viên sau khi kết thúc chương trình: lấy điểm theo thang điểm 10, trong đó điểm ≥ 5 điểm thì đạt yêu cầu, nếu < 5 điểm thì không đạt yêu cầu.

Học viên có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì phải tự ôn tập nội dung kiến thức và thực hành nghề đã học để dự kiểm tra lại. Số lần kiểm tra lại tối đa không quá 2 lần, nếu kiểm tra lại lần 2 vẫn không đạt yêu cầu thì phải học lại (nếu học viên có nhu cầu).

5. Xét công nhận hoàn thành khóa học

Học viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học sẽ được công nhận hoàn thành khóa học và được cấp chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BYT và Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Hà Nội.
2. Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Thông tư liên tịch số 13/2016/TTTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học (Điều 9, 10, 12), Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2017), Thông tư số 23/2017/TT-BYT hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, Hà Nội.
4. Bộ Y tế (2023), Thông tư số 28/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 quy định phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc tại y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), Quyết định số 354/QĐ-BGDĐT ban hành các tài liệu thuộc Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhân viên y tế trường học.
6. Nguyễn Thanh Đề, Nguyễn Nho Huy (2024), *Tổng quan về y tế trường học và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh; Vệ sinh trường học; Công tác quản lý sức khỏe học sinh; Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm; Một số bệnh, tật thường gặp ở học sinh; Sức khỏe sinh sản, Sức khỏe tâm thần và phòng chống tác hại của chất gây nghiện; Phòng, chống tai nạn thương tích và sơ cấp cứu ban đầu; Truyền thông giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

PHỤ LỤC II
KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN Y TẾ
CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÔNG CÓ VĂN BẰNG ĐÀO TẠO Y SĨ, BÁC SĨ

*(kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 7 năm 2024
của Giám đốc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo: **NHÂN VIÊN Y TẾ CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÔNG CÓ VĂN BẰNG ĐÀO TẠO Y SĨ, BÁC SĨ**

Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hình thức trực tiếp

Đối tượng đào tạo: Nhân viên y tế tại cơ sở giáo dục không có văn bằng y sĩ, bác sĩ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 Thông tư số 28/2023/TT-BYT của Bộ Y tế

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển và được thực hiện nhiều lần trong năm

Thời gian đào tạo: 05 ngày (40 tiết)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Cung cấp cho học viên một số kiến thức về các nhiệm vụ, các hoạt động chính của y tế trường học và một số kiến thức về sự phát triển thể chất, tâm sinh lý lứa tuổi học đường để phục vụ công tác chăm sóc giáo dục sức khỏe cho học sinh. Học viên có khả năng xử lý một số trường hợp sơ cấp cứu và bệnh tật thường gặp ở học sinh tại trường học và một số hoạt động tuyên truyền nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế trường học trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, đảm bảo sự phát triển toàn diện về sức khỏe, thể chất, trí tuệ và tinh thần cho trẻ em, học sinh trong trường học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức:

1. Trình bày được nhiệm vụ và các hoạt động chính của y tế trường học.
2. Trình bày được một số kiến thức về thể chất và tâm sinh lý của lứa tuổi học đường để phục vụ công tác chăm sóc giáo dục sức khỏe cho HSSV.
3. Trình bày được cách phát hiện, phòng chống các nguy cơ gây tai nạn thương tích và bệnh tật học đường thường gặp ở học sinh.

1.2.2. Kỹ năng:

1. Áp dụng các kiến thức đã học để xử lý một số trường hợp sơ cấp cứu thường gặp ở học sinh tại trường học.
2. Thực hiện tốt truyền thông tư vấn về giáo dục sức khỏe để có các biện pháp phòng, chống bệnh tật, tai nạn thương tích thường gặp ở học sinh.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

1. Rèn luyện được tính kiên trì thái độ ân cần, thông cảm với học sinh. Thể hiện được vai trò, trách nhiệm của nhân viên y tế về việc giữ gìn sức khỏe và vệ sinh thân thể phòng, chống một số bệnh chuyên khoa.

2. Thể hiện được năng lực làm việc độc lập và khả năng làm việc nhóm để giải quyết các vấn đề tình huống. Đồng thời phát triển các năng lực cá nhân như kỹ năng tư duy, tự học – tự nghiên cứu, tra cứu tài liệu, thuyết trình, phản biện... thông qua quá trình học tập.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 40 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 14 giờ; Thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ.

3. Nội dung chương trình

3.1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Tổng quan về công tác y tế trường học, quản lý sức khỏe học sinh.	4	2	2	0
2	Đặc điểm phát triển thể chất và tâm sinh lý lứa tuổi học đường	2	2	0	0
3	Phòng chống các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích và bệnh, tật học đường, vệ sinh trường học.	4	2	2	0
4	Sơ cấp cứu ban đầu	18	4	14	0
5	Dinh dưỡng, an toàn thực phẩm trong trường học.	4	2	2	0
6	Truyền thông, tư vấn, giáo dục sức khỏe	6	2	4	0
	Kiểm tra	2			2
	Tổng:	40	14	24	2

3.2. Nội dung chi tiết

BÀI 1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC, QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH

Thời gian: 04 giờ (02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

- 1. Nêu được nội dung để tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh trong nhà trường.*
- 2. Trình bày được các bước xây dựng kế hoạch, nội dung báo cáo, đánh giá về công tác y tế trường học; các bước cơ bản để tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe.*
- 3. Xây dựng được kế hoạch, báo cáo, đánh giá về công tác y tế trường học, quản lý được hồ sơ sức khỏe học sinh.*
- 4. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý sức khỏe học sinh trong trường học. Phát triển các kỹ năng cá nhân và thể hiện được sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm qua quá trình học tập.*

Nội dung

1. Đại cương y tế trường học
 - 1.1. Vị trí, vai trò của công tác y tế trường học.
 - 1.2. Nội dung của công tác y tế trường học và một số văn bản pháp quy về y tế trường học.
2. Nhiệm vụ của nhân viên y tế trường học.
 - 2.1. Tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh trong nhà trường.
 - 2.2. Một số nội dung thực hiện Luật trẻ em và quyền trẻ em trong nhà trường
 - 2.3. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe.
3. Quản lý sức khỏe học sinh trong trường học.
 - 3.1. Khái niệm, vai trò, tầm quan trọng và nội dung, giải pháp quản lý sức khỏe học sinh trong trường học.
 - 3.2. Quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.
 - 3.3. Lập kế hoạch y tế trường học.

BÀI 2. ĐẶC ĐIỂM

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT VÀ TÂM SINH LÝ LÚA TUỔI HỌC ĐƯỜNG

Thời gian: 02 giờ lý thuyết

Mục tiêu bài học:

- 1. Trình bày được sự phát triển thể chất của lứa tuổi học đường*
- 2. Phân tích được sự phát triển tâm lý của lứa tuổi học đường qua từng độ tuổi.*
- 3. Phát triển các kỹ năng cá nhân và thể hiện được sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm qua quá trình học tập.*

Nội dung

1. Thời kỳ mẫu giáo

- 1.1. Giới hạn
- 1.2. Đặc điểm sinh lý.
- 1.3. Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động.
- 1.4. Đặc điểm bệnh lý.
- 1.5. Chăm sóc và giáo dục.

2. Thời kỳ tiểu học

- 2.1. Giới hạn
- 2.2. Đặc điểm sinh lý.
- 2.3. Sự phát triển thể chất, tinh thần, vận động.
- 2.4. Đặc điểm bệnh lý.
- 2.5. Giáo dục phòng bệnh.

3. Thời kỳ Trung học cơ sở

- 3.1. Đặc điểm sinh lý
- 3.2. Môi trường sống
- 3.3. Đặc điểm hoạt động học tập ở nhà trường THCS.
- 3.4. Sự phát triển trí tuệ của học sinh THCS.
- 3.5. Sự hình thành kiểu quan hệ mới
- 3.6. Hoạt động giao tiếp của học sinh THCS với bạn bè.
- 3.7. Sự hình thành tự ý thức của học sinh THCS.
- 3.8. Sự hình thành tình cảm ở lứa tuổi học sinh THCS.
- 3.9. Đặc điểm bệnh lý
- 3.10. Giáo dục sức khỏe.

4. Thời kỳ Trung học phổ thông

- 4.1. Điều kiện sống và hoạt động
- 4.2. Đặc điểm về sự phát triển thể chất.
- 4.3. Hoạt động học tập.
- 4.4. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ.
- 4.5. Sự phát triển của tự ý thức.
- 4.6. Sự hình thành thế giới quan
- 4.7. Xu hướng nghề nghiệp.
- 4.8. Hoạt động giao tiếp.
- 4.9. Một số vấn đề giáo dục đối với học sinh THPT.

BÀI 3. PHÒNG, CHỐNG CÁC YẾU TỐ NGUY CƠ GÂY TAI NẠN THƯƠNG TÍCH VÀ BỆNH TẬT HỌC ĐƯỜNG VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

Thời gian: 04 giờ (02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. *Nêu được các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích cho từng đối tượng*
2. *Trình bày được các yêu cầu về vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy cơ khi tham gia giao thông.*
3. *Thực hiện được các kỹ năng đánh giá các điều kiện vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường trường học.*
4. *Nêu được các biện pháp để phòng tránh một số tai nạn thường gặp như đuối nước, bỏng, điện giật, động vật cắn, thương tích do vật nhọn, say nắng, sốc nhiệt.*
5. *Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, khả năng thuyết trình để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.*

Nội dung

A. Phòng chống các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích

1. Phòng, chống trượt ngã và chấn thương do trượt ngã
 - 1.1. Đối với trẻ em nhà trẻ.
 - 1.2. Đối với trẻ mẫu giáo, tiểu học.
 - 1.3. Đối với học sinh trung học
2. Phòng, chống tai nạn giao thông
 - 2.1. Khi đi bộ
 - 2.2. Khi đi xe đạp, xe máy.

2.3. Khi đi ô tô, xe buýt.

2.4. Khi đi qua sông bằng tàu, thuyền, phà.

3. Phòng, chống động vật cắn, húc, đốt

3.1. Cách phòng, chống động vật cắn, húc, đốt.

3.2. Phòng, chống bệnh dại.

4. Phòng tránh tai nạn thương tích do vật sắc nhọn, đuối nước, bỏng, điện giật và bạo lực học đường (dựa trên các tiêu chí trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên quy định tại Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

B. Phòng, chống các yếu tố nguy cơ gây bệnh tật học đường

1. Tật khúc xạ

1.1. Hướng dẫn phát hiện tật khúc xạ ở học sinh

1.2. Phòng, chống tật khúc xạ ở học sinh.

2. Bệnh cong vẹo cột sống

2.1. Hướng dẫn phát hiện bệnh cong vẹo cột sống ở học sinh.

2.2. Kỹ thuật khám cong vẹo cột sống

2.3. Phòng, chống cong vẹo cột sống ở học sinh

3. Các bệnh răng miệng thường gặp ở học sinh

3.1. Hướng dẫn phát hiện các bệnh răng miệng thường gặp ở học sinh

3.2. Phòng, chống các bệnh răng miệng thường gặp ở học sinh

C. VỆ SINH TRƯỜNG HỌC

1. Khái niệm, tầm quan trọng và những nội dung chính của vệ sinh trường học

2. Vệ sinh trong xây dựng trường học

2.1. Các yêu cầu vệ sinh trong xây dựng trường mầm non, trường phổ thông.

2.2. Đánh giá vệ sinh về xây dựng trường học.

3. Vệ sinh phòng học

3.1. Chiều sáng phòng học.

3.2. Tiếng ồn trong phòng học.

3.3. Vi khí hậu trong phòng học.

4. Vệ sinh trang thiết bị và đồ dùng học tập.

4.1. Yêu cầu vệ sinh đối với bàn ghế, bảng trong phòng học và đồ dùng học tập, đồ chơi.

5. Nước sạch và vệ sinh môi trường trong trường học

5.1. Cung cấp nước sạch trong trường học.

5.2. Công trình vệ sinh trong trường học.

5.3. Bảo đảm vệ sinh môi trường trường học.

6. Vệ sinh cá nhân

6.1. Vệ sinh bàn tay, vệ sinh răng miệng.

6.2. Vệ sinh trong học tập và rèn luyện.

BÀI 4. SƠ CẤP CỨU BAN ĐẦU

Thời gian: 18 giờ (04 giờ lý thuyết, 14 giờ thực hành)

Mục tiêu bài giảng:

1. Trình bày được tầm quan trọng của sơ cấp cứu tai nạn thương tích.
2. Thực hiện được những việc cần làm của người cấp cứu và người trợ giúp trong một số tai nạn thường gặp.
3. Chuẩn bị đầy đủ và biết cách sử dụng túi sơ cấp cứu tại nơi làm việc.
4. Phân tích được các bước của sơ cấp cứu ban đầu.

Nội dung

Phần I. Tổng quan về sơ cấp cứu ban đầu

1. Nhận thức cơ bản về sơ cấp cứu ban đầu
2. Trình tự cấp cứu ban đầu
3. Gọi cấp cứu

Phần II. Cấp cứu cơ bản – Hồi sinh tim phổi

1. Định nghĩa
2. Trình tự thực hiện
3. Kỹ thuật ép tim – thổi ngạt

Phần III. Sơ cứu vết thương

1. Sơ cứu và chăm sóc vết thương phần mềm
2. Sơ cứu vết thương bụng
3. Sơ cứu và chăm sóc vết thương ngực
4. Sơ cứu vết thương đầu

Phần IV. Cầm máu và băng bó vết thương chảy máu

1. Tổng quan
2. Mạch máu

3. Mức độ vết thương chảy máu
4. Dụng cụ băng bó vết thương cầm máu
5. Kiểm soát chảy máu
6. Sử dụng băng, gạc cầm máu.
7. Chấn thương do tai nạn

Phần V. Sơ cứu gãy xương

1. Nguyên nhân gây gãy xương
2. Phân loại gãy xương
3. Triệu chứng chung
4. Mục đích và nguyên tắc cố định gãy xương chi
5. Dụng cụ để cố định gãy xương
6. Xử trí vỡ xương sọ
7. Xử trí gãy xương hàm dưới
8. Xử trí gãy cột sống
9. Xử trí gãy xương ức và xương sườn
10. Xử trí vỡ xương chậu
11. Xử trí gãy xương đòn
12. Xử trí gãy xương cánh tay
13. Xử trí gãy xương cẳng tay
14. Xử trí gãy xương đùi
15. Xử trí gãy xương cẳng chân.

Phần VI. Sơ cứu điện giật – Đuối nước

1. Sơ cứu điện giật
 - 1.1. Đại cương
 - 1.2. Lưu ý trước khi thực hiện các bước cấp cứu người bị điện giật
 - 1.3. Cách sơ cứu người bị điện giật
 - 1.4. Tiến hành sơ cứu người bị điện giật
 - 1.5. Một số lưu ý trong quá trình sơ cứu điện giật
 - 1.6. Cách phòng ngừa điện giật
2. Đuối nước
 - 2.1. Đại cương
 - 2.2. Các hình thái lâm sàng của đuối nước
 - 2.3. Xử trí nạn nhân đuối nước

Phần VII. Sơ cứu bỏng – Tai nạn do hóa chất

1. Sơ cứu bỏng
 - 1.1. Phân loại bỏng theo độ sâu
 - 1.2. Cách tính diện tích bỏng
 - 1.3. Tiên lượng của bỏng
 - 1.4. Tiến triển của bỏng
 - 1.5. Sơ cứu bỏng và chăm sóc.
 - 1.6. Cấp cứu một số trường hợp bỏng đặc biệt
2. Sơ cứu tai nạn do hóa chất
 - 2.1. Tổng quan về an toàn hóa chất
 - 2.2. Sơ cấp cứu một số tai nạn do hóa chất.

Phần VIII. Sơ cứu say nắng, say nóng

1. Đại cương
2. Nguyên nhân
3. Biểu hiện khi bị say nắng, say nóng
4. Cách xử trí.

Phần IX. Sơ cứu ngộ độc tiêu hóa.

1. Đại cương
2. Các dấu hiệu chính
3. Sơ cứu nạn nhân bị ngộ độc tiêu hóa

Phần X. Sơ cấp cứu rắn độc cắn

1. Một số loài rắn độc thường gặp.
2. Nguyên nhân bị rắn cắn
3. Biểu hiện khi bị rắn độc cắn
4. Điều trị khi bị rắn độc cắn
5. Phòng tránh rắn độc cắn.

Phần XI. Sơ cứu và phòng tránh côn trùng đốt, cắn

1. Biểu hiện
2. Sơ cứu
3. Phòng tránh

Phần XII. Các kỹ thuật kiểm soát đường thở

1. Đại cương
2. Nguyên nhân gây tắc nghẽn đường thở.

3. Các kỹ thuật khai thông đường thở

Phần XIII. Vận chuyển nạn nhân cấp cứu

A. Di chuyển nạn nhân

1. Phân loại.
2. Di chuyển khẩn cấp
 - 2.1. Tình huống
 - 2.2. Kỹ thuật
3. Di chuyển không khẩn cấp

B. Vận chuyển nạn nhân

1. Phân loại
2. Nguyên tắc
3. Kỹ thuật vận chuyển nạn nhân bằng tay
 - 3.1. Trường hợp chỉ có một người cứu
 - 3.2. Trường hợp có hai người cứu.
4. Khiêng, vận chuyển nạn nhân bằng ghế
5. Khiêng, vận chuyển nạn nhân bằng cáng
 - 5.1. Các loại cáng
 - 5.2. Áp dụng.
 - 5.3. Kỹ thuật.

BÀI 5. DINH DƯỠNG, AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG TRƯỜNG HỌC

Thời gian: 04 giờ (02 giờ lý thuyết, 02 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các điều kiện về vệ sinh và nguồn lực y tế trường học, kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn
2. Nêu được các tiêu chí để đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh trong trường học và dinh dưỡng hợp lý cho từng độ tuổi của trẻ em, học sinh
3. Trình bày được các vấn đề dinh dưỡng thường gặp ở học sinh và ngộ độc thực phẩm ở trẻ em, học sinh trong nhà trường.
4. Phát triển các kỹ năng mềm và thể hiện được sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm qua quá trình học tập.

Nội dung

1. Vệ sinh trường học
 - 1.1. Bảo đảm các điều kiện về vệ sinh và nguồn lực y tế trường học
 - 1.2. Hướng dẫn kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn.
2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh trong trường học
 - 2.1. Mục đích đánh giá
 - 2.2. Nội dung đánh giá
 - 2.3. Thời điểm đánh giá
 - 2.4. Các chỉ số để đánh giá
 - 2.5. Công cụ để đánh giá tình trạng dinh dưỡng ở học sinh
 - 2.6. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng.
3. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh
 - 3.1. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ dưới 1 tuổi
 - 3.2. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em từ 1 – 3 tuổi
 - 3.3. Dinh dưỡng hợp lý cho trẻ từ 4-6 tuổi
 - 3.4. Dinh dưỡng cho trẻ lứa tuổi tiểu học (từ 6-11 tuổi)
4. Các vấn đề dinh dưỡng thường gặp ở học sinh
 - 4.1. Thừa cân – béo phì
 - 4.2. Suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng.
 - 4.3. Tổ chức giáo dục, tư vấn dinh dưỡng tại nhà trường.

5. Ngộ độc thực phẩm ở trẻ em và học sinh trong nhà trường

5.1. Dấu hiệu ngộ độc thực phẩm ở trẻ em, học sinh.

5.2. Các biện pháp tăng cường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

BÀI 6. TRUYỀN THÔNG TƯ VẤN GIÁO DỤC SỨC KHỎE

Thời gian: 06 giờ (02 giờ lý thuyết, 04 giờ thực hành)

Mục tiêu bài học:

1. Trình bày được các nội dung truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh.
2. Liệt kê được một số phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh.
3. Nêu được các hình thức truyền thông giáo dục sức khỏe.
4. Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, tổng hợp kiến thức, thảo luận nhóm, tư duy phản biện và thuyết trình để trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp tương lai.

Nội dung

1. Xây dựng nội dung truyền thông, giáo dục sức khỏe cho học sinh
 - 1.1. Giáo dục vệ sinh cá nhân
 - 1.2. Vệ sinh môi trường
 - 1.3. Vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh dinh dưỡng
 - 1.4. Phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích và các tệ nạn xã hội
 - 1.5. Rèn luyện lối sống.
2. Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh
 - 2.1. Các phương pháp truyền thông gián tiếp
 - 2.2. Các phương pháp truyền thông trực tiếp
3. Các hình thức truyền thông giáo dục sức khỏe
 - 3.1. Truyền thông đại chúng
 - 3.2. Truyền thông trực tiếp tới đối tượng
4. Một số phương pháp truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học
 - 4.1. Thảo luận nhóm
 - 4.2. Nói chuyện sức khỏe.

4. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, môn đơn

Kiểm tra đánh giá điểm của Học viên sau khi kết thúc chương trình: lấy điểm theo thang điểm 10, trong đó điểm ≥ 5 điểm thì đạt yêu cầu, nếu < 5 điểm thì không đạt yêu cầu.

Học viên có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu thì phải tự ôn tập nội dung kiến thức và thực hành nghề đã học để dự kiểm tra lại. Số lần kiểm tra lại tối đa không quá 2 lần, nếu kiểm tra lại lần 2 vẫn không đạt yêu cầu thì phải học lại (nếu học viên có nhu cầu).

5. Xét công nhận hoàn thành khóa học

Học viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học sẽ được công nhận hoàn thành khóa học và được cấp chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BYT và Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương (2017), Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Hà Nội.
2. Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Thông tư liên tịch số 13/2016/TTTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học (Điều 9, 10, 12), Hà Nội.
3. Bộ Y tế (2017), Thông tư số 23/2017/TT-BYT hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em; tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, Hà Nội.
4. Bộ Y tế (2023), Thông tư số 28/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 quy định phạm vi hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và nội dung chuyên môn, nghiệp vụ của chương trình đào tạo nhân viên y tế làm việc tại y tế cơ quan, đơn vị, tổ chức mà không thành lập cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), Quyết định số 354/QĐ-BGDĐT ban hành các tài liệu thuộc Chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực cho nhân viên y tế trường học.
6. Nguyễn Thanh Đề, Nguyễn Nho Huy (2024), *Tổng quan về y tế trường học và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của học sinh; Vệ sinh trường học; Công tác quản lý sức khỏe học sinh; Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm; Một số bệnh, tật thường gặp ở học sinh; Sức khỏe sinh sản, Sức khỏe tâm thần và phòng chống tác hại của chất gây nghiện; Phòng, chống tai nạn thương tích và sơ cấp cứu ban đầu; Truyền thông giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Đồng Nai.